

Unit 2: PERSONAL INFORMATION

Topic: Telephone numbers (Section A)

I. New words

- personal (adj): thuộc về cá nhân
- information (n): thông tin
- ⇒ personal information (n): thông tin cá nhân
- telephone directory (n): danh bạ điện thoại
- call (v): gọi
- meet (v): gặp

II. Remember

1. What is your telephone number?
 - It's 8456743.
- 2.

Simple future (Thì tương lai đơn)

Formation:

- (+) S + will + Vinf....
- (-) S + will not + Vinf....
- (?) Will + S + Vinf.....?

will not = won't

e.g I will call you soon.

He will meet you in front of the cinema.

- Thì tương lai đơn diễn tả: 1 sự việc sẽ xảy ra trong tương lai, 1 lời hứa.
- Trong câu thường có trạng ngữ thời gian là “ tomorrow, soon, next..., this + ngày/tháng” hoặc câu bắt đầu bằng “ I hope/ I promise...”

PHIẾU HỌC TẬP

I. Write the telephone numbers

- a. 8251625
- b. 8351793
- c. 8237041
- d. 8821652

II. Use the verbs in parentheses in Simple future

- a. It's raining. You (get).....wet.
- b. When.....she (be).....back?
- c. We (meet).....in front of the zoo.
- d. I (come).....there at 6.30
- e. Howyou (go)..... to school?